

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 06 /2023/HNGĐ - ST

Ngày 02/3/2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phước Hoà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đích.

2. Ông Nguyễn Văn Đồi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Trà - Thư ký Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Hương Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 02/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S - Số 25 H, quận S, thành phố Đà Nẵng tiến hành xét xử sơ thẩm công K hai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 147/2022/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* bà Lê Thị Anh T, sinh năm 1982; nơi cư trú: phòng 308 CT2, chung cư A, phường X, thành phố H, tỉnh T. *Có mặt.*

* *Bị đơn:* ông Nguyễn Xuân K, sinh năm 1981. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số nhà 59 V, tổ 20 phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng (Địa chỉ liên hệ: 27 N 1, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng). Hiện tạm trú tại: căn hộ A7.19 Chung cư E, tổ 9 khu phố 2, phường P, thành phố T, thành phố H. *Có đơn xin vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn - bà Lê Thị Anh T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: tôi và ông Nguyễn Xuân K tự nguyện kết hôn vào năm

2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận S, TP. Đà Nẵng, theo giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyển số 01, do Ủy ban nhân dân phường N, quận S, TP. Đà Nẵng cấp ngày 23.03.2005. Sau khi kết hôn cả hai đã có khoảng thời gian sống chung hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó giữa 2 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống và ông K cũng không quan tâm, chăm sóc vợ con nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Vì vậy, chúng tôi đã sống ly thân 07 năm nay, tôi về H sống tại Phòng 308 CT2, chung cư A, phường X, thành phố H, tỉnh T cùng với 02 con. Mặc dù gia đình đã nhiều lần hoà giải để tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân nhưng chúng tôi nhận thấy rằng vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc nhau dẫn đến tình trạng mâu thuẫn giữa chúng tôi ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên tôi yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Xuân K.

- Về con chung: tôi xác định giữa tôi và ông Nguyễn Xuân K có 02 con chung là: Nguyễn Thuận H, sinh ngày 13/8/2005 và Nguyễn Thục H, sinh ngày 29/01/2007, kể từ khi vợ chồng ly thân cho tới nay, tôi là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung. Nay ly hôn, tôi đề nghị Tòa án giao 02 con chung Nguyễn Thuận H và Nguyễn Thục H cho tôi trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tôi không yêu cầu ông Nguyễn Xuân K cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

- Về tài sản chung: vợ chồng tôi không có tài sản chung nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: vợ chồng tôi không có nợ chung.

* Bị đơn là ông Nguyễn Xuân K xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nhưng tại văn bản trình bày ý kiến đề ngày 06.02.2023 ông Nguyễn Xuân K trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: tôi và bà Lê Thị Anh T kết hôn vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận S, TP. Đà Nẵng, theo giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyển số 01, do Ủy ban nhân dân phường N, quận S, TP. Đà Nẵng cấp ngày 23.03.2005. Sau khi kết hôn cả hai đã có khoảng thời gian sống chung hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó giữa 2 bên thường xuyên cãi vã, phát sinh mâu thuẫn nên chúng tôi đã sống ly thân 07 năm nay. Mặc dù gia đình đã nhiều lần hoà giải để tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân của chúng tôi nhưng tôi nhận thấy rằng vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc nhau dẫn đến tình trạng mâu thuẫn của chúng tôi ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, tôi cũng thống nhất với yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Anh T.

- Về con chung: tôi và bà Lê Thị Anh T có 02 con chung là: Nguyễn Thuận H, sinh ngày 13/8/2005 và Nguyễn Thục H, sinh ngày 29/01/2007. Nay ly hôn, tôi cũng

thống nhất giao 02 con chung Nguyễn Thuận H và Nguyễn Thục H cho bà Lê Thị Anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tôi không cấp dưỡng nuôi 02 con.

- Về tài sản chung: tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: vợ chồng tôi không có nợ chung.

* Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với các bên đương sự, nguyên đơn là bà Lê Thị Anh T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Riêng bị đơn là ông Nguyễn Xuân K tuy vắng mặt nhưng ông đã có gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; ông có gửi đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại các phiên tòa xét xử nên ông cũng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với bị đơn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của của bà Lê Thị Anh T đối với ông Nguyễn Xuân K.

- Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 81, 82, 83 giao 02 con Nguyễn Thuận H, sinh ngày 13/8/2005 và Nguyễn Thục H, sinh ngày 29/01/2007 cho bà Lê Thị Anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung của ông bà đủ 18 tuổi. Do bà Lê Thị Anh T không yêu cầu ông Nguyễn Xuân K cấp dưỡng nuôi 02 con nên ông Nguyễn Xuân K không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: bà Lê Thị Anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung còn ông Nguyễn Xuân K thì không yêu cầu tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không đề cập giải quyết về tài sản chung.

- Về nợ chung: bà Lê Thị Anh T và ông Nguyễn Xuân K đều khẳng định vợ chồng không có nợ chung nên không đề cập giải quyết về nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

- Yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con của bà Lê Thị Anh T đối với ông Nguyễn Xuân K là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Mặc dù hiện nay ông Nguyễn Xuân K đang tạm trú tại thành phố T - thành phố H để làm ăn nhưng ông K vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại quận S, thành phố Đà Nẵng (gia đình cha mẹ ông cũng đang cư trú tại quận S); nay cả bà Lê Thị Anh T và ông Nguyễn Xuân K đều yêu cầu Tòa án nhân dân quận S là Tòa án nơi ông K đăng ký hộ khẩu thường trú giải quyết vụ án ly hôn của ông bà, nên căn cứ quy

định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân quận S có thẩm quyền giải quyết vụ án trên;

- Tại phiên tòa, mặc dù ông Nguyễn Xuân K vắng mặt nhưng ông đã được triệu tập hợp lệ và có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại các phiên tòa xét xử nên thuộc trường hợp xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị Anh T và ông Nguyễn Xuân K tự nguyện kết hôn vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận S, TP. Đà Nẵng, theo giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyển số 01, do Ủy ban nhân dân phường N, quận S, TP. Đà Nẵng cấp ngày 23.03.2005. Hôn nhân của hai ông bà phù hợp với các quy định của pháp luật về điều kiện và thủ tục kết hôn, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Anh T, thì thấy:

Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa, mặc dù ông Nguyễn Xuân K vắng mặt, nhưng tại văn bản trình bày ý kiến đề ngày 06.02.2023 ông Nguyễn Xuân K cũng thừa nhận sau khi kết hôn cả hai đã có khoảng thời gian sống chung hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nên ông bà đã sống ly thân 07 năm nay. Lời thừa nhận trên của ông K phù hợp với lời trình bày của bà Lê Thị Anh T tại phiên tòa. Mặc dù qua xác minh tại địa phương nơi vợ chồng ông bà cư trú trước đây thì địa phương không nắm được thông tin gì về vợ chồng ông bà để cung cấp cho Tòa án nhưng qua lời trình bày của chính mẹ ruột ông K là bà Nguyễn Thị Thu C thì vợ chồng ông bà thật sự có mâu thuẫn, nguyên nhân là do giữa hai ông bà có nhiều điểm khác nhau về tính cách, một phần nữa là do ông K không có trách nhiệm, không lo làm phụ giúp kinh tế cho vợ, không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng ông bà nảy sinh mâu thuẫn, kéo dài. Hiện tại, hai ông bà cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và đều có nguyện vọng được ly hôn. Do vậy, HĐXX xét thấy nếu cứ kéo dài cuộc hôn nhân của ông bà như hiện nay thì mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Anh T là phù hợp.

[3] Về con chung: bà Lê Thị Anh T xác định có 02 con chung với ông Nguyễn Xuân K là cháu Nguyễn Thuận H, sinh ngày 13/8/2005 và cháu Nguyễn Thục H, sinh ngày 29/01/2007. Ly hôn, bà Lê Thị Anh T có nguyện vọng được nuôi hết hai con, không yêu cầu ông Nguyễn Xuân K cấp dưỡng nuôi hai con.

Xét yêu cầu của bà Lê Thị Anh T về việc nuôi con thì thấy, trong quá trình ông bà sống ly thân nhau, bà Lê Thị Anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và các cháu đều khỏe mạnh, được ăn học và phát triển bình thường; tại văn bản trình bày

ý kiến đề ngày 06.02.2023 ông Nguyễn Xuân K cũng đồng ý với nguyện vọng của bà Lê Thị Anh T, ông thống nhất giao hết hai con cho bà Lê Thị Anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy nguyện vọng của hai ông bà phù hợp với ý kiến của các cháu là đều muốn được ở với mẹ. Vì vậy, HĐXX cần áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao các cháu Nguyễn Thuận H, Nguyễn Thục H, cho bà Lê Thị Anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Bà Lê Thị Anh T không yêu cầu ông Nguyễn Xuân K cấp dưỡng nuôi hai con nên ông Nguyễn Xuân K không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung.

[4] Về tài sản chung: tại phiên tòa bà Lê Thị Anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung, tại văn bản trình bày ý kiến đề ngày 06.02.2023 ông Nguyễn Xuân K không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[5] Về nợ chung: tại phiên tòa bà Lê Thị Anh T xác định vợ chồng không có nợ chung, tại văn bản trình bày ý kiến đề ngày 06.02.2023 ông Nguyễn Xuân K cũng xác định vợ chồng không có nợ chung nên HĐXX không đề cập giải quyết về nợ chung.

[6] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30.12.2016 về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án” thì bà Lê Thị Anh T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Lê Thị Anh T đã nộp tại biên lai thu số 06448 ngày 11/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận S .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30.12.2016 về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Anh T đối với ông Nguyễn Xuân K.
Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Thị Anh T được ly hôn với ông Nguyễn Xuân K (Giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyển số 01, do Ủy ban nhân dân phường N, quận S , TP. Đà Nẵng cấp ngày 23.03.2005).

2. Về con chung: giao 02 con chung Nguyễn Thuận H, sinh ngày 13/8/2005 và cháu Nguyễn Thục H, sinh ngày 29/01/2007 cho bà Lê Thị Anh T trực tiếp nuôi

dưỡng cho đến khi các con Nguyễn Thuận H, Nguyễn Thục H đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Xuân K không phải cấp dưỡng nuôi hai con.

Vì lợi ích con chung, các bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết, vì lợi ích con chung các bên có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: bà Lê Thị Anh T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Lê Thị Anh T đã nộp tại biên lai thu số 06448 ngày 11/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận S.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát q. S
- Những người tham gia tố tụng
- UBND phường N,
quận S , TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Phước Hòa

